

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LM
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/11/2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LM, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trường

Ông L Văn Qui

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhậm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 10 năm 2022 và ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Hồng L, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: khóm 1, phường TT, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Đinh Công H, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: khu vực 1, phường TL, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư L Bình D, Văn phòng Luật sư NT – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang (có mặt)

Địa chỉ: số 37 Ngô Quốc Trị, phường 5, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp LH 1, xã TP, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Ông L Văn N, sinh năm 1972 (vắng mặt và có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LH 1, xã TP, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

3.3. Anh Đinh Công Đ, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: khu vực 1, phường TL, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

3.4. Chị Đinh Thị M, sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: khu vực 1, phường TL, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

3.5. Bà Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1954 (vắng mặt và có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực 3, phường TL, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang

3.6. Ngân hàng NN và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận BD, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồng Minh H – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh thị xã LM, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt và có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị Hồng L trình bày: Bà L và ông H sống chung vào năm 2009, đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TL, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, ông H có người khác ở bên ngoài. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018. Bà L nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung Đinh Tuấn KH2, sinh ngày 24/01/2011, giới tính Nm. Con đang sống chung với bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu nuôi con, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 745.000 đồng/tháng, đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Có căn nhà tại khu vực 1, phường TL, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Nguồn gốc căn nhà: Nhà cất năm 2012 trong thời kỳ hôn nhân, do vợ chồng làm tích góp lại, đồng thời mẹ ruột của bà L là bà Nh có cho 01 cây

vàng 9999 để cất nhà, bà Nh cũng cho vợ chồng mượn 01 cây vàng 9999 và 27.815.000 đồng để cất nhà, đã trả được 05 chỉ và 5 triệu đồng, còn lại 22.815.000 đồng chưa trả.

Về giá trị căn nhà: Tại phiên tòa, bà L thống nhất với Bản Kết luận định giá tài sản số 20/HĐĐGTS ngày 04/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân thị xã LM, theo đó giá trị căn nhà là 239.661.700 đồng.

Đồng thời, tại phiên tòa, bà L cho rằng bà Nghi có góp 10.000.000 đồng để đóng la phong, bà L thống nhất khấu trừ số tiền này vào giá trị căn nhà. Phần tài sản còn lại là 229.661.700 đồng (Tức là 239.661.700 đồng - 10.000.000 đồng) yêu cầu chia đôi.

Do hiện tại nhà cất trên đất gia đình bên chồng, bà L đã về Cà Mau sinh sống nên yêu cầu được nhận giá trị căn nhà, không nhận hiện vật. Nhà hiện tại do ông H đang quản lý, sử dụng. Bà L không yêu cầu phân chia tài sản nào khác.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ mẹ ruột là bà Nh 05 chỉ vàng 9999 và 22.815.000 đồng để cất nhà, không có làm biên nhận nợ do có mối quan hệ mẹ con, tuy Nhên ông H phủ nhận việc mượn nợ này nên bà L cũng không yêu cầu giải quyết khoản nợ trong vụ án này, để bà L và bà Nh tự thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Công H trình bày: Ông H thống nhất phần trình bày của bà L về thời gian sống chung, kết hôn, thời gian sống ly thân từ năm 2018.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, ông H không có người khác ở bên ngoài. Ông H thống nhất ly hôn với bà L.

Về con chung: Thống nhất có 01 con chung như nguyên đơn trình bày, thống nhất để con cho bà L nuôi dưỡng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H thống nhất cấp dưỡng nuôi con 745.000 đồng/tháng, đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trước khi mở phiên tòa, ông H cho rằng bà L trình bày có căn nhà tại khu vực 1, phường TL, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang là tài sản chung là không đúng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H thống nhất căn nhà là tài sản chung. Tuy Nhên, yêu cầu Hội đồng xét xử tính công sức đóng góp để hình thành tài sản chung. Cụ thể như sau:

Về nguồn gốc căn nhà: Ông H thống nhất cất nhà từ năm 2012, tiền cất nhà là của ông H và mẹ ruột ông H là bà Đinh Thị Ng góp tiền lại cất. Ông H không nhớ ông H góp bao Nhêu, bà Nghi góp bao Nhêu. Nguồn tiền bà Nghi

góp để cất nhà là từ bán đất nông trường cho ông Đinh Văn Ph vào ngày 16/9/2014 âm lịch, có giấy sang bán đất nhưng trong giấy tờ này cũng không thể hiện bán đất để sử dụng vào mục đích cất nhà.

Còn đối với việc ông H và bà L cùng ký tên bán đất cho bà Đinh Thị Ni vào ngày 05/5/2019, để lo cho gia đình chứ vào thời điểm chuyển nhượng phần đất này, căn nhà đã được cất xong.

Bà Đinh Thị Nghi đã chết ngày 21/4/2018 có 02 dòng con.

+ Dòng 1: Giữa bà Đinh Thị Nghi và ông L Văn Phát có 02 người con là L Văn N và bà Nguyễn Thị N (do làm giấy tờ sai sót nên bà N mang họ Nguyễn chứ không phải họ L). Ông L Văn Phát đã mất từ khi bà N 4 tuổi, không có khai tử.

+ Dòng 2: Bà Đinh Thị Ng sinh ra Đinh Công H, mang họ mẹ, ông H không biết cha mình là ai, giấy tờ tùy thân cũng không xác định được họ tên cha.

Tại phiên tòa, ông H cũng thống nhất với Bản Kết luận định giá tài sản số 20/HĐĐGTS ngày 04/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân thị xã LM, theo đó giá trị căn nhà là 239.661.700 đồng. Đồng thời, cũng thống nhất khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng bà L thừa nhận việc bà Nghi góp tiền vào để đóng la phong vào giá trị căn nhà nếu tài sản được phân chia cho bà L.

Về nợ chung: Hiện tại vợ chồng còn nợ Ngân hàng NN và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã LM, tỉnh Hậu Giang 47.000.000 đồng, tuy Nhiên ông H không có yêu cầu gì đối với khoản nợ này trong vụ án này, để các bên tự thỏa thuận.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư L Bình Dân trình bày: Các đương sự đã thống nhất vấn đề ly hôn, con chung, nợ chung nên không có ý kiến gì thêm. Đối với tài sản là căn nhà, thống nhất đây là tài sản chung của vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tỷ lệ phân chia, công sức đóng góp của ông H Nhiều hơn bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Nh trình bày: Khi cất nhà bà Nh có cho ông H và bà L mượn 10 chỉ vàng 9999 và 27.815.000 đồng, không có làm biên nhận nợ do có mối quan hệ mẹ con. Ông H và bà L đã trả cho cho bà Nh 05 chỉ vàng 9999 và 5.000.000 đồng, tuy Nhiên hiện tại ông H phủ nhận việc mượn nợ này nên bà Nh cũng không yêu cầu Tòa

án giải quyết khoản nợ trong vụ án này, để các bên tự thỏa thuận. Bà Nh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N thống nhất việc trình bày của ông H về các dòng con của bà Nghị. Việc cất nhà của bà Nghị và ông H thì bà N không biết vì ông H là con út trong nhà. Bà N không có liên quan đến số tiền bà Nghị góp cất nhà, để ông H tự quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L Văn N trình bày: Ông N và ông H có mối quan hệ cùng mẹ khác cha. Đối với căn nhà và tài sản hiện Ny bà L và ông H tranh chấp, ông N không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì. Ông N yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Công D trình bày: Anh D là con ruột của ông H, anh đang ở trên căn nhà tranh chấp, đối với phần căn nhà anh không có yêu cầu gì, để cho ông H toàn quyết định trong vụ kiện tranh chấp với bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị M trình bày: Chị M là con ruột của ông H, chị đang ở trên căn nhà tranh chấp, đối với phần căn nhà chị không có yêu cầu gì, để cho ông H toàn quyết định trong vụ kiện tranh chấp với bà L.

Đại diện Ngân hàng NN và phát triển nông thôn Việt Nm trình bày: Vào ngày 08/4/2022, ông Đinh Công H có vay vốn tại Agribank chi nhánh thị xã LM số tiền 49.000.000 đồng, ông H đã trả một phần nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Trong thời gian vay vốn, ông H thực hiện đúng theo hợp đồng trả nợ gốc, lãi đúng hạn, hiện tại khoản vay trong hạn. Ông Đinh Công H đang trong quá trình tranh chấp ly hôn về tài sản là căn nhà trên đất, không tranh chấp phần đất thế chấp tại ngân hàng. Vì vậy, Agribank chi nhánh thị xã LM không tham gia tố tụng trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn. Về con chung: Giao cháu KH2 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Dành

quyền cho ông H trong việc thăm non con, không ai được cản trở. Bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về tài sản chung: Giao căn nhà có diện tích 113m² cho ông H trực tiếp quản lý, sử dụng, buộc anh H có nghĩa vụ trả cho bà L 40% giá trị còn lại của căn nhà. Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã LM nên Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng Nh, Ngân hàng NN và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Về xác định hàng thừa kế của bà Đinh Thị Nghi.

Trong vụ án này, ông Đinh Công H cho rằng, căn nhà do ông H và bà Nghi (mẹ ruột của ông H) góp tiền xây dựng. Lời khai của ông H có ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nghi. Theo trích lục khai tử thì bà Đinh Thị Nghi đã chết ngày 21/4/2018 (trước khi Tòa án thụ lý vụ án). Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bà Đinh Thị Nghi có 02 dòng con.

Dòng 1: Giữa bà Đinh Thị Nghi và ông L Văn Phát có 02 người con là L Văn N và bà Nguyễn Thị N (do làm giấy tờ sai sót nên bà N mang họ Nguyễn chứ không phải họ L). Ông L Văn Phát đã mất từ khi bà N 4 tuổi, không có khai tử.

Dòng 2: Bà Đinh Thị Nghi sinh ra tôi Đinh Công H, mang họ mẹ, ông H không biết cha mình là ai, giấy tờ tùy thân cũng không xác định được họ tên cha.

Như vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà Nguyễn Thị N và ông L Văn N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Hồng L và ông Đinh Công H tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TL (Ný là phường TL) vào năm 2009 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà L yêu cầu ly hôn, ông H cũng thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà L và ông H.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] Ông H và bà L có 01 con chung tên Đinh Tuấn KH2, sinh ngày 24/01/2011, giới tính Nam, hiện Ný đang sống chung với bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, ông H cũng thống nhất giao con cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, điều này, cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất để bà L tiếp tục nuôi con chung Đinh Tuấn KH2, ông Đinh Công H có quyền, nghĩa thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.2.2] Bà L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 745.000 đồng/tháng, tại phiên tòa ông H cũng thống nhất việc cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do đó, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 745.000 đồng/tháng cho Đinh Tuấn KH2 đến khi Đinh Tuấn KH2 đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản:

[2.3.1] Về xác định tài sản: Nguyên đơn yêu cầu phân chia căn nhà có diện tích 113m² tọa lạc tại khu vực 1, phường TL, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang vì cho rằng đây là tài sản chung của vợ, chồng; tại phiên tòa bị đơn cũng thống nhất căn nhà là tài sản chung, hình thành trong thời kỳ hôn nhân, tuy Nhen khi phân chia cần xem xét đến công sức do ông H và bà Nghị góp tiền xây dựng.

Ông Đinh Công H cho rằng, bà Lương Thị Hồng L không có công sức đóng góp trong việc xây dựng căn nhà, số tiền có để xây dựng do ông vay mượn của ông Mai Viết Võ (đã trả năm 2019); bà Nghị chuyển nhượng đất cho ông Đinh Văn Phùng (vào năm 2014); ông H, bà L chuyển nhượng đất cho bà Đinh Thị Ni để trả các khoản nợ để cất nhà, phần còn lại ông H để lại vốn làm ăn, lo cho cuộc sống gia đình. Bà Lương Thị Hồng L thì cho rằng nguồn gốc căn nhà

do vợ chồng làm tích góp lại, đồng thời mẹ ruột của chị L là bà Nh có cho 01 cây vàng 9999 để cất nhà, bà Nh cũng cho vợ chồng mượn 01 cây vàng 9999 và 27.815.000 đồng, đã trả được 05 chỉ và 5.000.000 đồng, còn lại 22.815.000 đồng chưa trả. Như vậy, giữa các bên khai không có sự thống nhất về nguồn gốc hình thành. Qua kết quả thu thập chứng cứ thể hiện bà Đinh Thị Ni xác định không biết mục đích ông H, bà L chuyển nhượng đất để làm gì; ông Đinh Văn Phùng vắng mặt tại địa phương, nên không ghi nhận được ý kiến, tuy Nhên qua “giấy sang đất” giữa bà Nghi và ông Phùng do ông H cung cấp cũng không xác định rõ mục đích của việc chuyển nhượng đất để làm gì; ông Mai Viết Võ thì xác định ông cho ông H mượn tiền để cất nhà; bà Nh cũng xác định bà cho bà L vàng và cho ông H, bà L mượn vàng, tiền để cất nhà. Tuy Nhên, lời trình bày của ông Võ, bà Nh biết về mục đích cho mượn tiền, vàng không được cả hai bên nguyên đơn bà L và bị đơn ông H thừa nhận.

Ngoại trừ việc tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn thống nhất bà Nghi có góp 10.000.000 đồng để đóng la phong thì các bên cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để khẳng định căn nhà đang tranh chấp là tài sản có sự tích góp của bà Đinh Thị Nghi. Tuy Nhên, các đương sự đều thống nhất căn nhà được xây dựng vào năm 2012, trong thời kỳ hôn nhân của vợ, chồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tài sản này được tạo lập vào năm 2012, căn cứ vào khoản 3 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2009 “Trong trường hợp không có chứng cứ chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó là tài sản chung”.

Như vậy, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định, căn nhà có diện tích 113m² tọa lạc tại khu vực 1, phường TL, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang là tài sản chung của ông H và bà L hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Điều này cũng phù hợp với sự thừa nhận của cả nguyên đơn và bị đơn.

[2.3.2] Về phân chia tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, bị đơn đồng ý nhận hiện vật căn nhà nếu căn nhà được phân chia. Hội đồng xét xử nhận định, các đương sự đều thống nhất, căn nhà đang cất trên phần đất do ông Đinh Công H đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên căn nhà ngoài ông H đang ở còn có hai người con riêng của ông H là anh Đ và chị M, trong khi đó bà L đã có chỗ ở ổn định ở Cà Mau. Như vậy,

nhu cầu về sử dụng căn nhà đang tranh chấp của ông H Nhiều hơn bà L. Thêm vào đó, tại phiên tòa sơ thẩm bà L cho rằng đã chuyển khẩu về sinh sống ở thành phố Cà Mau từ năm 2014. Ông Đinh Công H là người trực tiếp duy trì và phát triển căn nhà. Căn cứ vào Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần thiết phân chia cho ông H 60%, bà L 40% khối tài sản chung là căn nhà.

Các đương sự thống nhất giá trị căn nhà là 239.661.700 đồng. Đồng thời, bà L cũng thống nhất khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng việc bà Nghị góp tiền vào để đóng la phong vào giá trị căn nhà, ông H cũng thống nhất trừ số tiền này nếu tài sản được phân chia cho bà L. Đồng thời, bà N và ông N cũng không tranh chấp, không có yêu cầu gì liên quan đến tài sản của bà Nghị trong việc góp tiền xây nhà, để cho ông H thụ hưởng vì là con út trong gia đình. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xác định giá trị còn lại của căn nhà để phân chia cho ông H và bà L là 229.661.700 đồng. Cụ thể, bà L được chia $40\% \times 229.661.700 \text{ đồng} = 91.864.680 \text{ đồng}$; ông H được chia $60\% \times 229.661.700 \text{ đồng} = 137.797.020 \text{ đồng}$. Như đã phân tích, ông H được nhận hiện vật căn nhà nên có nghĩa vụ giao cho bà L 91.864.680 đồng.

[2.4] Về nợ: Bà L trình bày vợ chồng có nợ tiền, vàng của bà Nh; ông H thì trình bày vợ chồng có nợ của Ngân hàng NN và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh thị xã LM. Tuy Nhên, các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết khoản nợ trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng.

Về án phí cấp dưỡng: Bị đơn ông Đinh Công H phải chịu 300.000 đồng.

Về án phí chia tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu trên phần tài sản được chia.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: 6.750.000 đồng; bà L phải chịu 2.700.000 đồng, ông H phải chịu 4.050.000 đồng. Bà L đã tạm ứng số tiền 4.750.000 đồng, ông H đã tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng. Bà L đã nộp xong chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản, ông H có nghĩa vụ nộp số tiền 2.050.000 đồng để hoàn trả lại cho bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33; Điều 55; Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Hồng L và ông Đinh Công H cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Lương Thị Hồng L được tiếp tục nuôi Đinh Tuấn Kh, sinh ngày 24/01/2011, giới tính Nm. Ông Đinh Công H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ông Đinh Công H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đinh Tuấn KH2 với mức cấp dưỡng mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), cấp dưỡng hàng tháng đến khi Đinh Tuấn KH2 đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/11/2022).

[3] Về tài sản chung: Ông Đinh Công H được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà có diện tích $(12,8 \times 7)m + (3,9 \times 6)m = 113m^2$ có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, trần prima, nền lát gạch Ceramic.

Ông Đinh Công H có nghĩa vụ giao lại cho bà Lương Thị Hồng L số tiền 91.864.680 đồng (Chín mươi một triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi đồng)

[4] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lương Thị Hồng L phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004308 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Bà Lương Thị Hồng L đã nộp xong án phí và được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn ông Đinh Công H phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng: Ông Đinh Công H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí chia tài sản chung:

Nguyên đơn bà Lương Thị Hồng L phải nộp 4.593.234 đồng (Bốn triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi bốn đồng), được khấu trừ vào 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004307 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Bà Lương Thị Hồng L phải nộp thêm 893.234 đồng (Tám trăm chín mươi ba nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng).

Bị đơn ông Đinh Công H phải nộp 6.889.851 đồng (Sáu triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi một đồng).

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bà Lương Thị Hồng L đã nộp xong chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản; ông Đinh Công H có nghĩa vụ nộp số tiền 2.050.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà Lương Thị Hồng L.

[8] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[9] Nguyên đơn bà Lương Thị Hồng L; bị đơn ông Đinh Công H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, anh Đinh Công Đ, chị Đinh Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng Nh, Ngân hàng NN và phát triển nông thôn Việt Nm được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã LM;
- Chi cục THADS TX LM;
- UBND phường TL;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Thanh Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

